TÒA ÁN NHA DA CẤP CAO TẠI H NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **50**/2021/DS-PT
Ngày 15 tháng 4 năm 2021
V.v: Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy GCNQSD đất.

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHA DA CẤP CAO TẠI H NỘI

Với tHnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông PH Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Ông Vũ Minh T.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà H Lê Giang, Thư ký Tòa án nhA dA cấp cao tại H Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA cấp cao tại H Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhA dA cấp cao tại H Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm C khai vụ án dA sự thụ lý số 141/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dA sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhA dA tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2789/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 3ư năm 2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn L, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

**** Bị đơn***: Cụ Bùi Văn Đ, sinh năm 1937; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Ủy ban nhA dA huyện KT, tỉnh Hải Dương; do ông Vũ Đình T – Chủ tịch UBND huyện KT, tỉnh Hải Dương làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn NG - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị A, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

5. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

6. Ông Bùi Văn H (đã chết);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn H:

- Bà Ngô Thị T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

7. Bà Bùi Thị CA, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn L, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

8. Bà Bùi Thị Năm, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

9. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ngõ 513 đường An Định, phường Tứ Minh, tHnh phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các bà Bùi Thị A, Bùi Thị Năm: Cụ Bùi Văn Đ, sinh năm 1937; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các bà Bùi Thị CA, Bùi Thị S, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị CA, Bùi Thị S, Ngô Thị T, Bùi Thị D và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C: Ông Đinh Ngọc Phán – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Tâm Phúc Đức, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quả trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Bùi Văn C trình bày*: Bố mẹ ông là cụ Bùi Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Ái có 09 người con gồm các ông bà Bùi Thị A, Bùi Thị CA, Bùi Văn C, Bùi Văn Q, Bùi Thị Năm, Bùi Thị S, Bùi Văn H (đã chết có vợ là bà Ngô Thị T và 02 con là chị Bùi Thị Thu H, anh Bùi Văn C), Bùi Văn D và Bùi Thị D. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Tài sản chung của cụ Đ và cụ Ái là quyền sử dụng 142m^2 đất tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện KT

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 851252 ngày 30/3/2012 đứng tên cụ Đ. Lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình cụ Đ là vì khi cụ Ái còn sống, hai cụ tách đất cho các con và cụ Ái đồng ý để cụ Đ một mình đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất còn lại của hai cụ. Cụ Ái chết ngày 07/4/2011 không để lại di chúc. Hiện cụ Đ đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên trong đó có cả phần di sản của cụ Ái.

Ông (C) khởi kiện vụ án với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ái là quyền sử dụng ½ diện tích đất 142m^2 tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương theo pháp luật. Ông đề nghị giao toàn bộ hiện vật cho cụ Đ và cụ Đ sẽ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế. Phần di sản ông được hưởng, ông tự nguyện nhường cho cụ Đ và không có yêu cầu nào khác.

Về tài sản trên đất, trước đây trên đất có 01 ngôi nH ba banh, mái ngói do hai cụ xây từ năm 1980. Sau khi cụ Ái chết, do nH đã cũ nên năm 2016 ông phá toàn bộ nH cũ để xây lại 01 ngôi nH cấp IV hai gian lợp mái tôn. Hiện cụ Đ vẫn đang sử dụng ngôi nH này. Ngoài ra trên đất không có tài sản nào khác. Khi Tòa án giao hiện vật cho cụ Đ thì đề nghị tiếp tục giao cho cụ Đ sử dụng ngôi nH, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

***** *Bị đơn là cụ Bùi Văn Đ trình bày*: Cụ và vợ là cụ Ái có 09 người con như ông C trình bày là đúng; hai cụ không có con nuôi hoặc con riêng; bố mẹ đẻ của cụ Ái đều đã chết. Trước đây vợ chồng cụ có diện tích đất rất rộng, nguồn gốc đất do tổ tiên để lại và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai cụ đã lần lượt tách đất cho 04 người con là các ông bà H, D, Q, S mỗi người một phần và chuyển nhượng một phần đất cho vợ chồng ông H, bà DAg nên tài sản chung của hai cụ còn lại là quyền sử dụng 142m^2 đất tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Trước đó cụ Ái đã đề nghị UBND huyện KT là sau này khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đề tên một mình cụ (Đ) nên ngày 30/3/2012 UBND huyện KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 851252 chỉ mang tên Bùi Văn Đ. Ngoài ra, vợ chồng cụ không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Ngày 07/4/2011 cụ Ái chết không để lại di chúc. Cụ đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Ái là ½ quyền sử dụng đất 142m^2 của ông C; cụ đề nghị được nhận toàn bộ hiện vật và trả chênh lệch giá trị cho các con.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:

- Ông Bùi Văn Q (đồng thời đại diện cho bà Bùi Thị CA, bà Bùi Thị S, bà Ngô Thị T, chị Bùi Thị Thu H, anh Bùi Văn C) và bà Nguyễn Thị D trình bày: Bố mẹ ông bà là cụ Đ và cụ Ái có 09 người con như ông C trình bày là đúng, ngoài ra hai cụ không có con riêng, con nuôi. Cụ Ái chết ngày 07/4/2011, sau đó ông H cũng chết nhưng không nhớ rõ thời gian. Hai cụ có tài sản chung là quyền sử dụng 142m^2 đất tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Hiện toàn bộ tài sản do cụ Đ quản lý, sử dụng. Năm 1980 cụ Ái và cụ Đ

xây 01 căn nH ba banh, mái ngói, sau đó các con cùng sửa nH cho cụ Đ ở (riêng ông C không tham gia). Năm 2016 ông C phá nH cũ xây 01 ngôi nH cấp IV hai gian lợp mái tôn cho cụ Đ, hiện nH vẫn do cụ Đ sử dụng. Việc ông C yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật thì ông bà không đồng ý. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C thì ông bà không nhận di sản bằng giá trị mà muốn nhận bằng hiện vật để làm nH thờ tổ tiên.

Ngày 16/8/2018, ông Q có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 851252 do UBND huyện KT cấp cho cụ Đ với lý do: Cụ Ái chết không để lại di chúc, giữa các đồng thừa kế không có sự thỏa thuận về việc phA chia di sản nhưng UBND huyện KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ 142m^2 đất cho cụ Đ là xâm phạm đến quyền và lợi hợp pháp của các đồng thừa kế.

- Các ông bà Bùi Thị Năm, Bùi Văn D, Bùi Thị A trình bày: Bố mẹ ông bà là cụ Đ và cụ Ái có 09 người con và có tài sản chung như ông C trình bày là đúng. Năm 2011 hai cụ tách đất cho các con nên diện tích đất còn lại của hai cụ là 142m^2. Ngày 07/4/2011 cụ Ái chết nhưng trước đó khi làm hồ sơ cụ Ái có đề nghị UBND huyện KT khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ để tên cụ Đ. Do đó, năm 2012 UBND huyện KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên cụ Đ. Hiện nay cụ Đ đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất chung, tài sản trên đất có ngôi nH do ông C xây cho cụ Đ, ngoài ra hai cụ không có tài sản nào khác. Nay ông C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ái thì các ông bà hoàn toàn nhất trí và đề nghị giao hiện vật cho cụ Đ, cụ Đ thanh toán lại giá trị cho các con. Phần di sản các ông bà được hưởng, các ông bà tự nguyện nhường cho cụ Đ và không có yêu cầu gì.

- Đại diện UBND huyện KT, tỉnh Hải Dương trình bày: Nguồn gốc đất của cụ Bùi Văn Đ do ông cha để lại từ trước năm 1960, đến ngày 25/8/1996 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I287882, với diện tích 677m^2, hiện UBND không còn lưu giữ được hồ sơ cấp đất. Gia đình cụ Đ đã xây dựng tường bao và sử dụng đất ổn định từ năm 1992 đến nay. Năm 2011 cụ Đ làm thủ tục tách đất cho 04 người con gồm các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Văn H, Bùi Văn D, Bùi Thị S, khi đó hiện trạng đất là 754m^2 (trong đó 36m^2 đất tăng lên do năm 1996 cắt ra làm Hnh lang giao thông không cấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng; 41m^2 đất tăng lên do sai số đo đạc). Cụ thể tách cho ông Q 165m^2; ông H 213m^2; ông D 52m^2; bà S 108m^2. Năm 2012 cụ Đ chuyển nhượng 74m^2 đất cho vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Dương Thị DAg. Diện tích đất còn lại 142m^2 đã được UBND huyện KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 851252 mang tên cụ Đ.

Trình tự, thủ tục và nội D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đ được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ khi cụ Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị khiếu kiện gì. Đối với yêu cầu của ông

Q về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện KT không nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Biên bản xác minh ngày 02/7/2018, UBND xã KA, huyện KT cung cấp: Cụ Đ và cụ Ái là chủ sử dụng 677m^2 đất tại thôn VM, xã KA. Năm 2011 hai cụ làm thủ tục tách đất cho các con, còn lại 142m^2 hai cụ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình chờ UBND huyện KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Ái chết nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên cụ Đ. UBND xã KA xác định quyền sử dụng 142m^2 đất tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA là tài sản chung của cụ Đ và cụ Ái.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2019, người làm chứng là bà Dương Thị DAg trình bày: Bà là cháu họ của cụ Đ, gọi cụ Đ là chú, ông C là em họ của bà. Gia đình bà sống giáp ranh nH cụ Đ. Năm 1997 vợ chồng bà hỏi mua một phần diện tích đất của vợ chồng cụ Đ (chiều ngang 2m và chạy hết đất) để làm lối đi, vợ chồng cụ Đ đồng ý. Khi đó bà cũng không rõ diện tích cụ thể là bao nhiêu, tiền mua đất vì thời gian đã lâu nên bà chỉ nhớ khoảng 7.000.000 đồng. Ngày 15/4/1997, hai bên có lập văn bản ghi nhận nội D mua bán đất, khi lập văn bản thì vợ chồng bà và vợ chồng cụ Đ, cụ Ái cùng có mặt và ký tên, ngoài ra còn có chữ ký chứng kiến của ông Bùi Văn Q (con của cụ Đ) và ông Phan Văn T (cơ khí xã). Sau đó hai bên đã giao tiền và giao đất đầy đủ, trên đất không có tài sản gì. Bà xác định việc mua bán đất có sự đồng ý của cả cụ Đ và cụ Ái. Đến năm 2012, vợ chồng bà kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó bao gồm cả diện tích đất mua của vợ chồng cụ Đ từ năm 1997 nên vợ chồng bà và cụ Đ có lập hợp đồng chuyển nhượng (khi đó cụ Ái đã chết nên chỉ có cụ Đ ký kết). Đến ngày 30/3/2012 vợ chồng bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 135m^2 trong đó bao gồm 74m^2 đã mua của vợ chồng cụ Đ. Gia đình bà vẫn sử dụng đất ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp với ai và thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ.

Tại Bản án dA sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhA dA tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS 2015; khoản 4 Điều 32 LTTHC 2015; khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 BLDS 2015; Điều 29, 31 Luật HNGĐ 2000; Điều 2 Luật người cao tuổi 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ái là quyền sử dụng 71m^2 đất tại thửa 138, tờ bản đồ số 18, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương theo pháp luật.

- Xác định Hng thừa kế thứ nhất của cụ Ái gồm: Cụ Bùi Văn Đ và các ông bà Bùi Thị A, Bùi Thị CA, Bùi Văn C, Bùi Văn Q, Bùi Thị Năm, Bùi Thị S, Bùi

Văn H (ông H đã chết, Hng thừa kế thứ nhất gồm bố là cụ Bùi Văn Đ, vợ là bà Ngô Thị T và 02 con là chị Bùi Thị Thu H, anh Bùi Văn C), Bùi Văn D và Bùi Thị D.

- PhA chia di sản theo giá trị:

+ Chấp nhận sự tự nguyện của các ông bà Bùi Thị A, Bùi Văn C, Bùi Thị Năm, Bùi Văn D về việc nhường phần di sản được hưởng cho cụ Bùi Văn Đ. Cụ Bùi Văn Đ được hưởng phần di sản có giá trị là 570.150.000 đồng.

+ Bà Bùi Thị CA, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị D mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị là 108.600.000 đồng.

+ Bà Ngô Thị T, chị Bùi Thị Thu H, anh Bùi Văn C mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị là 27.150.000 đồng.

- PhA chia di sản theo hiện vật:

+ Giao cho cụ Bùi Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ 71m^2 đất tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Tiếp tục giao cho cụ Đ sử dụng 71m^2 đất còn lại tại thửa 138, tờ bản đồ số 18 xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương và sở hữu ngôi nH cấp IV hai gian lợp mái tôn trên đất.

+ Cụ Bùi Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị CA, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị D mỗi người 108.600.000 đồng và trả cho bà Ngô Thị T, chị Bùi Thị Thu H, anh Bùi Văn C mỗi người 27.150.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn Q, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 851252 do Ủy ban nhA dA huyện KT cấp ngày 30/3/2012 cho cụ Bùi Văn Đ đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 18 tại thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương với diện tích 142m^2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm phải chịu tiền lãi nếu chậm thi Hnh án, về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2020, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị S, Bùi Thị D, Bùi Thị CA, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C kháng cáo với nội D việc định giá tài sản không đúng, không phù hợp với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường và không đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Bùi Văn C không rút đơn khởi kiện; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới; không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Luật sư Đinh Ngọc Phán (bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo) đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm với lý do: Quá trình định giá tài

sản, ông Q không ký biên bản định giá, còn bà D không được tham gia và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thông báo lại kết quả định giá cho các đương sự là không đảm bảo tính khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; mức giá mà Hội đồng định giá tài sản đưa ra là quá thấp, không phù hợp với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường; nguyện vọng của các đương sự kháng cáo được chia thừa kế bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng tổ tiên là phù hợp với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA cấp cao tại H Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Q, S, D, CA, T và các anh chị H, C là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuA thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dA sự. Về nội D, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Ái để lại là 71m^2 đất để chia thừa kế cho cụ Đ hưởng toàn bộ hiện vật và buộc cụ Đ trả chênh lệch giá trị cho các con là có căn cứ, phù hợp với thực tế. Hội đồng định giá tài sản đã tiến Hnh định giá đảm bảo tính khách quan và không có căn cứ xác định mức giá do Hội đồng đưa ra là không phù hợp với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đề nghị của Luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dA sự xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra C khai và kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị S, Bùi Thị D, Bùi Thị CA, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến Hnh triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến phiên tòa. Tại phiên tòa, đại diện UBND huyện KT, tỉnh Hải Dương vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dA sự.

[2] Xét kháng cáo của các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị S, Bùi Thị D, Bùi Thị CA, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào lời khai thống nhất của các bên đương sự phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định: Vợ chồng cụ Bùi Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Ái có 09 người con gồm các ông bà Bùi Thị A, Bùi Thị CA,

Bùi Văn C, Bùi Văn Q, Bùi Thị Năm, Bùi Thị S, Bùi Văn H (ông H đã chết, có vợ là bà Ngô Thị T và 02 con là chị Bùi Thị Thu H, anh Bùi Văn C), Bùi Văn D và Bùi Thị D. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hoặc con riêng.

Tài sản chung của hai cụ là quyền sử dụng 677m^2 đất tại thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương có nguồn gốc do ông cha để lại, đã được UBND huyện Kim Môn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 25/8/1996 (diện tích đo thực tế là 754m^2, trong đó có 36m^2 đất tăng lên do năm 1996 cắt ra làm Hnh lang giao thông không cấp vào Giấy chứng nhận và 41m^2 đất tăng lên do sai số đo đạc). Năm 1997 hai cụ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Dương Thị DAg diện tích đất 74m^2 (thủ tục chuyển nhượng được hoàn tất vào năm 2012 và ông H, bà DAg đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến năm 2011 hai cụ làm thủ tục tách đất cho các con, cụ thể tách cho ông Q 165m^2; ông H 213m^2; ông D 52m^2; bà S 108m^2. Do đó, tài sản chung của cụ Đ, cụ Ái còn lại là quyền sử dụng 142m^2 đất.

Về tài sản trên đất, khi cụ Ái còn sống thì hai cụ xây dựng được 01 ngôi nH ba banh, mái ngói vào khoảng năm 1980. Năm 2016 ông C phá toàn bộ nH cũ để xây 01 nH cấp IV cho cụ Đ ở. Hiện nH do hai cụ xây dựng không còn và các đương sự trong vụ án không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngày 07/4/2011, cụ Ái chết. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Ái để lại là quyền sử dụng ½ diện tích đất là tài sản chung của hai cụ, bằng 71m^2 đất (đất thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 18 đã được UBND huyện KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 851252 ngày 30/3/2012 đứng tên cụ Đ).

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tHnh lập Hội đồng định giá để định giá tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và Hội đồng định giá đã tiến Hnh định giá tài sản vào ngày 13/6/2018 theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Q không ký vào Biên bản định giá. Theo Biên bản làm việc ngày 13/6/2018 (BL76) thì những người có mặt tham gia buổi định giá tài sản gồm tHnh viên Hội đồng định giá, đại diện Tòa án nhA dA huyện KT, đại diện chính quyền địa phương (cán bộ địa chính, Chủ tịch UBND xã KA), người làm chứng (ông Nguyễn Văn H) và các bên đương sự là ông C, cụ Đ, ông D, bà A, ông Q. Kết quả định giá đã được C bố C khai cho các bên đương sự nghe nhưng riêng ông Q không ký tên vào Biên bản định giá nên những tHnh phần có mặt khác đã ký tên xác nhận điều này. Thời gian sau đó Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải, kiểm tra việc giao nộp, tiếp C, C khai chứng cứ có mặt các bên đương sự nhưng ông Q, bà D và các đương sự khác đều không yêu cầu sao chụp kết quả định giá tài sản, không khiếu nại về kết quả định giá cũng như không có yêu cầu định giá lại. Do đó, kháng cáo của các đương sự và ý kiến của Luật sư cho rằng việc định giá tài sản không đảm bảo tính khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

Về mức giá mà Hội đồng định giá đưa ra, các đương sự kháng cáo và Luật sư cho rằng không phù hợp với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó, không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Cụ Ái chết ngày 07/4/2011 không để lại di chúc, di sản được phA chia thừa kế theo pháp luật. Hng thừa kế thứ nhất của cụ Ái gồm cụ Đ và 09 người con. Ngày 03/9/2011 ông H chết nên cụ Đ, bà T, chị H, anh C được hưởng kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng theo pháp luật.

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản thì di sản thừa kế của cụ Ái có giá trị 1.086.000.000 đồng. PhA chia di sản theo pháp luật, mỗi đồng thừa được hưởng phần di sản có giá trị 108.600 000 đồng. Các ông bà C, A, Năm, D tự nguyện nhường kỷ phần cho cụ Đ; kỷ phần ông H được chia đều cho cụ Đ, bà T, chị H, anh C. Do đó, cụ Đ được hưởng 570.150.000 đồng; các ông bà CA, S, Q, D mỗi người được hưởng 108.600.000 đồng; bà T, chị H, anh C mỗi người được hưởng 27.150.000 đồng.

Cụ Đ có quyền sử dụng ½ diện tích đất trong khối tài sản chung vợ chồng và được hưởng thừa kế từ cụ Ái như đã nêu trên nên nếu phA chia thừa kế bằng hiện vật thì cụ Đ sẽ được nhận 116,5m^2 đất trong tổng diện tích 142m^2 đất. Các ông bà CA, S, Q, D mỗi người được hưởng phần di sản tương đương quyền sử dụng 7,1m^2 đất; bà T, chị H, anh C mỗi người được hưởng phần di sản tương đương quyền sử dụng l,775m^2 đất.

Căn cứ kỷ phần mà các thừa kế được hưởng; căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của đương sự và hiện trạng của thửa đất (thửa đất có hình thể chữ L, chiều giáp đường dài 3,9m, ngoài ra không có phần nào khác giáp đường; trên đất có ngôi nH cấp IV hiện do cụ Đ đang sinh sống ổn định); căn cứ vào thực tế nếu chia nhỏ thửa đất sẽ gây khó khăn, không đảm bảo điều kiện sinh hoạt của người sử dụng đất, không đảm bảo hạn mức giao đất tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định phA chia toàn bộ hiện vật cho cụ Đ và cụ Đ có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế là thỏa đáng, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm không phát sinh thêm tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của đương sự và đề nghị của Luật sư về vấn đề này.

[2.4] Cụ Đ được nhận toàn bộ hiện vật là quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 142m^2 đang tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn Q về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 851252 do UBND huyện KT cấp ngày 30/3/2012 cho cụ Bùi Văn Đ là đúng.

Với những phA tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị S, Bùi Thị D, Bùi Thị CA, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng, được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị S, Bùi Thị D, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C phải chịu án phí dA sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị CA là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dA sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dA sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Bùi Văn Q, Bùi Thị S, Bùi Thị D, Bùi Thị CA, Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Thu H, Bùi Văn C.

Giữ nguyên Bản án dA sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhA dA tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí: Các ông bà Bùi Văn Q, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị D, bà Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Minh H, Bùi Văn C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dA sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002114, 0002115, 0002116, 0002117, 0002118, 0002119 cùng ngày 24/4/2020 của Cục Thi Hnh án dA sự tỉnh Hải Dương.

Ghi nhận các ông bà Bùi Văn Q, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị D, bà Ngô Thị T và các anh chị Bùi Thị Minh H, Bùi Văn C đã thi Hnh xong nghĩa vụ nộp án phí dA sự phúc thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dA sự phúc thẩm cho bà Bùi Thị CA.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh T **Đặng Văn Hưng** **PH Hải Hiệp**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại H Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PH Hải Hiệp